

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MỸ LỘC  
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN QUANG KHẢI**











**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ  
MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM HỌC 2025 – 2026**

**Mỹ Lộc - Năm 2026**

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MỸ LỘC**  
**TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN QUANG KHẢI**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM HỌC 2025– 2026**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ kí
1.	Trần Thị Thúy Hòa	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2.	Hoàng Thị Hồng Khánh	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch HĐ	
3.	Đinh Thị Thu Hiền	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch HĐ	
4.	Trần Thị Na	GV tin học	Thư kí	
5.	Hoàng Thị Chúc Quỳnh	TT tổ 1, 2, 3	Ủy viên HĐ	
6.	Đặng Thị Bích	TT tổ 4,5	Ủy viên HĐ	
7.	Trần Thị Phúc	TP tổ 4, 5	Ủy viên HĐ	
8.	Đặng Văn Minh	GV tin học	Ủy viên HĐ	
9.	Lê Thị Mai Liên	Nhân viên Kế toán	Ủy viên HĐ	
10.	Đặng Thị Thanh Thủy	GV mỹ thuật	Ủy viên HĐ	

**Mỹ Lộc - Năm 2026**



## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	...
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	2
<b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>	4
<b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>	5
<b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>	5
<b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>	6
<b>I. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học</b>	6
<b>1. Tiêu chí 1.1</b>	7
<b>2. Tiêu chí 1.2</b>	8
<b>3. Tiêu chí 1.3</b>	10
<b>4. Tiêu chí 1.4</b>	11
<b>5. Tiêu chí 1.5</b>	12
<b>6. Tiêu chí 1.6</b>	13
<b>7. Tiêu chí 1.7</b>	15
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học</i>	16
<b>II. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</b>	17
<b>1. Tiêu chí 2.1</b>	18
<b>2. Tiêu chí 2.2</b>	18
<b>3. Tiêu chí 2.3</b>	19
<b>4. Tiêu chí 2.4</b>	21
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</i>	23
<b>Phần III. KẾT LUẬN CHUNG</b>	23
<b>Phần IV. PHỤ LỤC</b>	26

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá

Tiêu chí	Kết quả đạt		
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học			
Tiêu chí 1.1			x
Tiêu chí 1.2			x
Tiêu chí 1.3			x
Tiêu chí 1.4			x
Tiêu chí 1.5			x
Tiêu chí 1.6			x
Tiêu chí 1.7			x
Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục			x
Tiêu chí 2.1			x
Tiêu chí 2.2			x
Tiêu chí 2.3			x
Tiêu chí 2.4			x

**Kết quả:** Đạt Mức độ 3

**2. Kết luận về mức độ chuyển đổi số:** Đạt mức độ 3 - Mức: Đáp ứng tốt.

## Phần I

### CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tỉnh: Ninh Bình

Phường: Mỹ Lộc

Điện thoại:            Fax

Email: tieuhoctranguangkhai.myloc@gmail.com

Website: <https://thtranquangkhai.ninhbinh.edu.vn/>

Đạt mức độ chuyên đổi số

1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên

Tổng số học sinh: 677

Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên: 39 người. Trong đó

CBQL: 03 đồng chí

Giáo viên: 32

Nhân viên: 04 đồng chí

2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số

100% Cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường đều có chứng chỉ tin học từ A trở lên. Nhà trường đã bước đầu quan tâm chú trọng tới công tác bồi dưỡng đội ngũ có các kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số như: kỹ năng ứng dụng CNTT trong giảng dạy, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác sử dụng hiệu quả, các ứng dụng phục vụ công việc giảng dạy, quản trị nhà trường. Duy trì sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến LMS để thực hiện việc bồi dưỡng trực tuyến các modul theo quy định.

100% giáo viên trực tiếp của nhà trường đã khai thác, ứng dụng CNTT ở cấp độ cơ bản thông dụng trong dạy học tương đối đảm bảo. Trên 80% các đồng chí đã thực hiện khá tốt việc chỉnh sửa, thiết kế chuẩn bị học liệu bằng các công cụ quen thuộc như powerpoint, chỉnh sửa hình ảnh để tạo video AI [https://www.canva.com/vi\\_vn/login/](https://www.canva.com/vi_vn/login/); Phần mềm trí tuệ nhân tạo <https://chatgpt.com/>; phần mềm chuyển văn bản thành hình ảnh <https://leonardo.ai/>; phần mềm chuyển ảnh thành video <https://www.vidu.com/>

Đội ngũ cán bộ quản lý trong nhà trường đã khai thác và sử dụng các phần mềm quản trị trong nhà trường tương đối đảm bảo đáp ứng được yêu cầu như: smas, csdl ngành, phổ cập... Thực hiện quản lý nhân sự, học sinh, chất lượng giáo dục, hồ sơ sổ sách... hoàn toàn trên môi trường số. Thực hiện báo cáo, trao đổi

văn bản các cấp trên phần mềm ứng dụng và dịch vụ công trực tuyến và thực hiện kí số đối với cán bộ quản lý và nhân viên văn thư.

Cơ bản đội ngũ nhân sự của nhà trường đảm bảo các điều kiện cơ bản để thực hiện chuyển đổi số.

### 3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

Mỗi điểm trường đều có phòng Tin học được trang bị máy tính cho học sinh học tập. Các phòng học đều có ti vi kết nối internet.

- Nhà trường đã lắp đặt hệ thống internet cáp quang của nhà mạng Viettel, mỗi khu gồm 2 đường truyền: 1 thuê bao và 1 miễn phí; của nhà mạng Vinaphone gồm 01 đường truyền.

- Hệ thống kết nối Internet được kết nối rộng khắp tất cả các phòng như: Phòng hiệu bộ, phòng KT, Văn phòng, phòng thư viện, phòng học Tin học, phòng học... thiết bị phát Wifi đảm bảo ổn định phục vụ cho CB, GV, NV sử dụng khai thác hiệu quả Internet trong công tác quản lí và giảng dạy.

## Phần II

### TỰ ĐÁNH GIÁ

#### A. ĐẶT VẤN ĐỀ

##### 1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Tiểu học Trần Quang Khải là trường mới được thành lập theo Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 23/01/2026 của UBND phường Mỹ Lộc trên cơ sở sáp nhập nguyên trạng Tiểu học Mỹ Thành và trường Tiểu học Trần Quang Khải (cũ). Đội ngũ cơ bản trẻ, nhiệt tình, ham học hỏi và có tinh thần cầu thị. Khả năng tiếp cận cũng như nắm bắt về CNTT tương đối đảm bảo.

Trong công tác quản lý giáo dục, nhà trường đã triển khai số hoá, xây dựng cơ sở dữ liệu và thực hiện số hoá, định danh số liệu của giáo viên và học sinh. Cơ sở dữ liệu này đã hỗ trợ đắc lực công tác quản lí và thống kê báo cáo trong toàn trường có phần giải quyết vấn đề thống kê số liệu học sinh và giáo viên. Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý trường học. Tất cả cán bộ giáo viên nhân viên đều sử dụng hiệu quả của phần mềm khi được phân quyền.

Học sinh của trường được cha mẹ quan tâm tạo điều kiện cho học tập cũng như có điều kiện tiếp xúc, sử dụng một số thiết bị thông minh như: máy tính, ipad, smartphone...

Nhà trường được sự quan tâm của UBND phường. Đặc biệt hạ tầng về công

nghệ thông tin được trang bị tương đối đầy đủ cơ bản đảm bảo cho việc thực hiện chuyển đổi số.

## **2. Mục đích TĐG**

Tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên về ý nghĩa, tác dụng của chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo. Thúc đẩy chuyển đổi số ở nhà trường.

Phát hiện các điển hình, mô hình chuyển đổi số làm tốt để nhân rộng, tạo phong trào thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường.

Đảm bảo thực hiện kiểm tra, đánh giá khách quan, thực chất, công bằng kết quả chuyển đổi số trong đơn vị. Trong quá trình tự đánh giá, thực hiện thu thập, lập danh mục minh chứng theo các tiêu chí của Bộ chỉ số.

## **3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG**

Nhà trường đã thực hiện quá trình tự đánh giá theo đúng hướng dẫn của các cấp.

Quy trình tự kiểm tra, đánh giá; lưu hồ sơ, minh chứng:

- + Xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ.
- + Thu thập, lưu giữ hồ sơ minh chứng.
- + Thực hiện tự đánh giá, chấm điểm mức độ chuyển đổi số theo các tiêu chí của Bộ chỉ số. Hiệu trưởng ban hành quyết định phê duyệt kết quả tự đánh giá.
- + Báo cáo công tác triển khai tự đánh giá, kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số về Phòng Văn hóa - Xã hội phường.
- + Cập nhật kết quả đánh giá trên CSDL của ngành...

Khi xây dựng kế hoạch tự đánh giá nhà trường đã tìm giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, vì vậy kế hoạch mang tính khả thi cao.

Trong quá trình tiến hành tự đánh giá các tiêu chí, các thành viên trong hội đồng đã bám sát thực trạng của nhà trường, đánh giá một cách khách quan. Đây là vấn đề mà nhà trường rất quan tâm chú trọng bởi từ việc xác định đúng được thực trạng thì mới có những biện pháp phù hợp và khả thi. Từ việc tự đánh giá nhà trường đã nhận định được những ưu điểm, hạn chế để có kế hoạch điều chỉnh bổ sung như: trình độ, năng lực đội ngũ, cơ sở hạ tầng CNTT....

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **I. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học**

**Mở đầu:**

Chuyển đổi số trong dạy học là quá trình tích hợp công nghệ số, Internet và dữ liệu vào giáo dục, chuyển dịch từ phương pháp truyền thống sang mô hình thông minh, linh hoạt nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, cá nhân hóa học tập và tối ưu hóa quản lí. Các nội dung chính của chuyển đổi số trong dạy học nhà trường đã thực hiện như: Đổi mới phương pháp dạy học: Ứng dụng lớp học thông minh, học trực tuyến (E-learning), thực tế ảo (VR) để tăng tính tương tác và sinh động;

Số hóa tài liệu và học liệu: Sử dụng bài giảng điện tử, thư viện số, học liệu đa phương tiện, giảm sự phụ thuộc vào sách giáo khoa giấy; Quản lý giáo dục thông minh: Sử dụng phần mềm quản lý học tập, cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành, hệ thống đánh giá năng lực tự động và kết nối nhà trường - phụ huynh qua ứng dụng; Phát triển năng lực số: Trang bị kỹ năng sử dụng công nghệ cho cả giáo viên và học sinh để thích ứng với xã hội số.

## **1. Tiêu chí 1.1 Ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp**

### **a. Mô tả hiện trạng:**

Đầu năm học, nhà trường căn cứ tình hình cụ thể và điều kiện của nhà trường để xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến số 352/KH-THTQK và Kế hoạch số 217/KH-THMT (thời điểm chưa sáp nhập). Sau khi sáp nhập, nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 91/KH/THTQK ngày 23/02/2026. Kế hoạch phù hợp với từng thời điểm với các phương án cho từng kịch bản cụ thể (thiên tai, dịch bệnh, lí do khách quan tác động) được lồng ghép trong kế hoạch giáo dục, kế hoạch chuyển đổi số, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CNTT của nhà trường và kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến của đơn vị. Nội dung kế hoạch dạy học trực tuyến đã được xây dựng trên cơ sở hướng dẫn của Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT. [MC.01.01]

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của ngành, nhà trường (khu A và khu B) đã xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của đơn vị căn cứ trên thực trạng điều kiện cụ thể của nhà trường và triển khai tới đội ngũ trong đơn vị nắm được cũng như cùng thực hiện. Cuối mỗi kì đều tiến hành thông kê báo cáo nội dung tổ chức dạy học trực tuyến.

Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến kết hợp trực tiếp trong điều kiện bình thường (không có dịch bệnh, thiên tai phải nghỉ học) để nhằm mục đích nâng cao kỹ năng dạy trực tuyến cho giáo viên và phát triển năng lực tự học cho học sinh đã được triển khai nhưng tổ chức thực hiện chưa hiệu quả, còn gặp nhiều khó khăn, bất cập.

### **b. Điểm mạnh:**

Nhà trường đã ban hành được kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp trên cơ sở căn cứ điều kiện, thực trạng cụ thể của đơn vị theo hướng dẫn của Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT. Đồng thời xây dựng dự kiến cho các phương án kịch bản (thiên tai, dịch bệnh, lí do khách quan tác động) để chủ động ứng phó linh hoạt đảm bảo duy trì được việc dạy và học. Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong năm học đảm bảo thực đúng theo chỉ đạo hướng dẫn của ngành. Báo cáo thống kê giáo dục có nội dung giáo dục trực tuyến của đơn vị.

### **c. Điểm yếu**

Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến kết hợp trực tiếp trong điều kiện bình thường (không có dịch bệnh, thiên tai phải nghỉ học) được xây dựng để nhằm mục đích nâng cao kĩ năng dạy học trực tuyến cho giáo viên và phát triển năng lực tự học cho học sinh. Tuy nhiên nhà trường chưa triển khai thực hiện kế hoạch.

#### **\* Nguyên nhân:**

Một số học sinh trong trường chưa có điều kiện được gia đình trang bị máy tính, điện thoại đầy đủ cho các em học trực tuyến. Vì vậy trong điều kiện bình thường nhiều CMHS không ủng hộ việc cho con học trực tuyến tại thời điểm hiện nay. Một số giáo viên còn ngại dạy 2 hình thức trực tuyến và trực tiếp song song nên cũng chưa thật quyết tâm.

### **d. Kế hoạch cải tiến.**

- Nhà trường phối hợp với các ban ngành địa phương vận động tuyên truyền đến gia đình phụ huynh học sinh tạo điều kiện để các con được tiếp cận với công nghệ thông tin thông qua việc học tập trực tuyến đầy đủ.

- Vận động những học sinh không có thiết bị thì có thể học cùng bạn gần nhà mà có đầy đủ điều kiện học tập.

- Thời gian hoàn thành: Năm học 2026-2027

### **e. Tự đánh giá: Đạt**

**Kết luận về Tiêu chí:** Nhà trường đã ban hành được kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp trên cơ sở căn cứ điều kiện, thực trạng cụ thể của đơn vị theo hướng dẫn của Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT nhằm mục đích nâng cao kĩ năng dạy học trực tuyến cho giáo viên và phát triển năng lực tự học cho học sinh. Tuy nhiên nhà trường chưa triển khai thực hiện kế hoạch.

## **2. Tiêu chí 1.2: Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến**

### **a. Mô tả hiện trạng**

- Năm học 2025-2026, khu A thực hiện theo Quyết định số 325/QĐ-THTQK ngày 29 tháng 9 năm 2025, khu B thực hiện theo Quyết định số 221/QĐ-THMT ngày 8 tháng 9 năm 2025 về việc ban hành Quy chế quản lý tổ chức dạy học trực tuyến đối với cán bộ, giáo viên, học sinh nhà trường theo quy định tại Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ GD&ĐT phù hợp với thực tế tình hình, điều kiện thực tế của nhà trường, giáo viên và học sinh. [MC.01.02]

- Văn bản này quy định việc áp dụng hình thức dạy học trực tuyến (DHTT) đối với các chương trình dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018 với toàn bộ các lớp học.

- Quy chế tổ chức dạy và học trực tuyến năm học 2025-2026 của nhà trường quy định rõ các nội dung:

- + Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng;
- + Mục đích ban hành Quy chế dạy học trực tuyến;
- + Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường (Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng), tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên và các bộ phận liên quan, học sinh, gia đình học sinh trong quá trình triển khai thực hiện;
- + Hình thức tổ chức lớp học trực tuyến;
- + Cách thức tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh;
- + Yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị đối với dạy học trực tuyến;
- + Chế độ làm việc đối với giáo viên dạy học trực tuyến;
- + Quy định về quản lý, lưu trữ dữ liệu trong dạy học trực tuyến.

- Quy chế dạy học trực tuyến đã được triển khai phổ biến tới công khai toàn bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên và công khai trên công thông tin điện tử của nhà trường.

### **b. Điểm mạnh**

- Nhà trường đã ban hành Quy chế dạy học trực tuyến quy định chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến việc tổ chức dạy học trực tuyến, giúp cho việc dạy học trực tuyến thực hiện hiệu quả hơn.

- Quy chế đã được công khai và phổ biến kịp thời tới toàn bộ các đối tượng có liên quan tới việc dạy học trực tuyến.

### c. Điểm yếu

Không

### d. Kế hoạch cải tiến chất lượng

### e. Tự đánh giá: Đạt.

**Kết luận về Tiêu chí:** Nhà trường đã ban hành Quy chế dạy học trực tuyến quy định chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến việc tổ chức dạy học trực tuyến, giúp cho việc dạy học trực tuyến thực hiện hiệu quả hơn. Quy chế đã được công khai và phổ biến kịp thời tới toàn bộ các đối tượng có liên quan tới việc dạy học trực tuyến.

## 3. Tiêu chí 1.3: Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến

### a. Mô tả hiện trạng

- Nhà trường đã kí hợp đồng với OLM triển khai phần mềm dạy học trực tuyến cho toàn trường. Phần mềm này đều đảm bảo cơ bản các chức năng như: giúp giáo viên tổ chức triển khai dạy học trực tuyến để giảng bài và hướng dẫn, giao nhiệm vụ học tập cho học sinh. Thông qua phần mềm, tất cả học sinh tham gia cùng một không gian học tập thông qua nội dung giáo viên chia sẻ trên màn hình (kênh hình, kênh chữ, âm thanh,...) chuyển tài liệu đến học sinh. Học sinh tương tác, trao đổi thông tin theo thời gian thực với giáo viên và những học sinh khác trong một không gian học tập. [MC.01.03.01]. Ngoài ra phần mềm còn có chức năng PHHS tham gia các hoạt động học tập của con. (1.03.05)

- Nhà trường tổ chức hướng dẫn cho giáo viên cách sử dụng phần mềm OLM, tận dụng hệ thống học liệu có sẵn hoặc tự tạo học liệu trên phần mềm OLM để giao cho học sinh có thể tự học ở nhà. [MC.01.03.02]. Với mỗi học liệu được giao, giáo viên sẽ trả lời câu hỏi thắc mắc của học sinh (nếu có) giúp học sinh hiểu bài hơn. [MC.01.03.03]

- Nhà trường đã triển khai tới toàn thể giáo viên chức năng tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên trên phần mềm OLM. [MC.01.03.04]

### b. Điểm mạnh

- Nhà trường đã thực hiện triển khai phần mềm dạy học trực tuyến với 2 phần mềm là Zoom và OLM tới toàn thể đội ngũ giáo viên trong toàn trường đảm bảo các chức năng cho việc tổ chức dạy học trực tuyến. Bước đầu trong việc quản lý học tập trực tuyến mới được thực hiện trên hình thức giao bài tập tương tác qua phần mềm OLM ở các lớp học.

- Việc giao bài và chấm bài tự động giúp giảm tải áp lực hành chính cho giáo viên, tăng độ chính xác trong đánh giá.

### c. Điểm yếu

- Nhà trường chưa triển khai dạy học trực tuyến do điều kiện dạy học trực tiếp thuận lợi hơn.

### d. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Nhà trường cần bố trí một số tiết dạy qua hệ thống học tập trực tuyến.
- Thời gian hoàn thành: Tháng 10 năm học 2026

### e. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3 (28/30)

Chỉ số	Điểm
- Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS)). Tối đa 6 điểm.	5
- Có chức năng giáo viên giao bài cho học sinh tự học. Tối đa 6 điểm.	6
- Có chức năng giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh. Tối đa 6 điểm.	6
- Có chức năng tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên. Tối đa 6 điểm.	5
- Có chức năng phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh. Tối đa 6 điểm.	6
Tổng điểm: 28/30 - Đạt: Mức độ 3	

**Kết luận về Tiêu chí:** Nhà trường đã triển khai phần mềm dạy học trực tuyến cho toàn trường qua phần mềm OLM. Phần mềm này đều đảm bảo cơ bản các chức năng như: giúp giáo viên tổ chức triển khai dạy học trực tuyến để giảng bài và hướng dẫn, giao nhiệm vụ học tập cho học sinh,...

## 4. Tiêu chí 1.4: Số hóa các học liệu

### a. Mô tả hiện trạng

- 100% giáo viên thực hiện soạn giảng trên máy tính. Các bài giảng (PowerPoint, E-learning) đều được lưu trữ dưới dạng file mềm.

- Nhà trường đã bước đầu xây dựng "Kho học liệu số dùng chung" được lưu trữ trên phần mềm quản lý nhà trường vnedu.vn, bao gồm: Video bài giảng,

bài giảng Elearning, thiết bị số. Năm học 2025-2026, nhà trường đã xây dựng bổ sung được 46 học liệu vào kho học liệu dùng chung.

- Học liệu dạy học trực tuyến phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; bảo đảm tính khoa học, sư phạm và phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc và đã được tổ chuyên môn thông qua và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt theo quy định tại Điều 7, Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT. [MC.01.04]

### **b. Điểm mạnh**

- Giáo viên có ý thức cao trong việc lưu trữ hồ sơ chuyên môn dưới dạng số hóa, thay thế dần việc lưu trữ hồ sơ giấy công kênh.

- 100% giáo viên trong trường đã biết thiết kế bài giảng, thiết bị số phục vụ trong quá trình giảng dạy. Kho học liệu số bước đầu đã có sự đóng góp đa dạng từ các tổ chuyên môn, phục vụ tốt cho công tác chia sẻ tài nguyên dạy học nội bộ.

- Việc số hóa học liệu giúp tiết kiệm chi phí in ấn và thuận tiện cho việc chỉnh sửa, cập nhật nội dung mới hàng năm.

### **c. Điểm yếu**

- Một số học liệu còn đơn giản, sơ sài chưa đem lại hiệu quả cao trong giảng dạy.

### **d. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Khuyến khích giáo viên tự học để nâng cao kỹ năng sử dụng các phần mềm thiết kế học liệu số.

- Tổ chức các lớp tập huấn về thiết kế học liệu số cho giáo viên.

- Thời gian hoàn thành: Năm học 2026-2027

### **e. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3 (10/10)**

<b>Chỉ số</b>	<b>Điểm</b>
- Ít hơn 20 học liệu. Tối đa 3 điểm.	
- Ít hơn 40 học liệu. Tối đa 6 điểm	
- Nhiều hơn 40 học liệu. Tối đa 10 điểm	<b>10</b>
Tổng điểm: 10/10 - Đạt: Mức độ 3	

**Kết luận về Tiêu chí:** Nhà trường đã tích cực trong việc số hóa các học liệu. 100% giáo viên có khả năng thiết kế bài giảng, thiết bị số. Kho học liệu số

được cập nhật, bổ sung thường xuyên giúp giáo viên thuận tiện hơn trong việc tìm kiếm tư liệu dạy học.

## **5. Tiêu chí 1.5: Triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập**

### **a. Mô tả hiện trạng**

- Nhà trường được trang bị khu A có 01 phòng tin học bao gồm 20 máy, khu B có 01 phòng tin học bao gồm 20 máy.

- Năm học 2025-2026, nhà trường đã xây dựng kế hoạch và Quy chế tiến hành tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập đối với môn Tin học tại phòng máy tính vào các kỳ kiểm tra cuối kì và cuối năm học đối với khối lớp 3, 4, 5. [MC.01.05.01]. Nhà trường cũng đã tổ chức cho học sinh thi IOE, Trạng Nguyên Tiếng Việt,... trên phòng máy [MC.01.05.02]

### **b. Điểm mạnh**

- Nhà trường đã sử dụng phòng máy tính ngoài tổ chức dạy học thì tiến hành kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Tin học và các cuộc thi online.

- Đã ban hành kế hoạch, quy chế kiểm tra trên phòng máy.

### **c. Điểm yếu**

- Nhà trường chưa thực hiện được việc tổ chức kiểm tra trên máy tính đối với tất cả các môn học ở các khối lớp.

- Số lượng máy tính tại phòng máy có hạn nên việc tổ chức thi tập trung cho toàn khối/toàn trường cùng một lúc còn gặp khó khăn, phải chia nhiều ca thi.

### **d. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Xây dựng phương án, kế hoạch tổ chức thi trực tuyến với tất cả các khối lớp.

- Huy động các nguồn lực để bổ sung thêm máy tính phục vụ cho học tập của học sinh, mua bản quyền phần mềm quản lý thi chuyên nghiệp có khả năng đồng bộ dữ liệu tự động hoàn toàn với CSDL ngành.

- Thời gian hoàn thành: Năm học 2026-2027

### **e. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3**

<b>Chỉ số</b>	<b>Điểm</b>
- Tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính. Tối đa 15 điểm.	8

- Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường. Tối đa 5 điểm.	5
Tổng điểm: 13/20 - Đạt: Mức độ 3	

**Kết luận về Tiêu chí:** Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai kiểm tra đánh giá học sinh trên phòng máy thông qua phần mềm OLM. Việc thực hiện kiểm tra tại phòng máy giúp giáo viên và học sinh nâng cao khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, cập nhật và thông kê kết quả dễ dàng, chính xác. Nhà trường sẽ cố gắng triển khai với tất cả các khối lớp vào những kì kiểm tra tiếp theo.

## 6. Tiêu chí 1.6: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

### a. Mô tả hiện trạng

- Đầu năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch BDTX, trong đó ưu tiên nội dung học tập, bồi dưỡng về chuyển đổi số trong dạy học và quản trị.

- Phát triển năng lực tự học, tự bồi dưỡng của cán bộ quản lý, giáo viên; năng lực tổ chức, quản lý hoạt động tự học, tự bồi dưỡng của CBQL, giáo viên nhà trường. Phát huy vai trò của đội ngũ giáo viên cốt cán trong nhà trường trong việc kiểm tra, hướng dẫn và bồi dưỡng giáo viên tại chỗ. [MC.01.06.01]

- 100% CB, GV nhà trường có tài khoản để tập huấn với phần mềm <https://temis.csdl.edu.vn/user/login>. Giáo viên thực hiện truy cập thường xuyên để cập nhật các module bồi dưỡng thường xuyên, chương trình GDPT 2018 và các khóa tập huấn chuyên môn khác. Kết quả hoàn thành các module đều đạt yêu cầu trở lên. [MC.01.06.01]

- 100% giáo viên trong trường biết cách sử dụng một số phần mềm và công cụ phục vụ việc dạy học như phần mềm: chỉnh sửa hình ảnh để tạo video AI [https://www.canva.com/vi\\_vn/login/](https://www.canva.com/vi_vn/login/); Phần mềm trí tuệ nhân tạo <https://chatgpt.com/>; phần mềm chuyển văn bản thành hình ảnh <https://leonardo.ai/>; phần mềm chuyển ảnh thành video <https://www.vidu.com/>. Các tổ chuyên môn thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên đề về ứng dụng CNTT, chia sẻ kinh nghiệm sử dụng các phần mềm mô phỏng, thí nghiệm ảo trong dạy học. [MC.01.06.02]

- 100% giáo viên biết khai thác và thiết kế học liệu số để phục vụ cho việc dạy và học. Nhà trường có kho học liệu số dùng chung, được bổ sung thường xuyên bởi giáo viên các tổ khối. Đa số các sản phẩm được thiết kế công phu, tính ứng dụng cao. [MC.01.06.03]

### b. Điểm mạnh

- Đội ngũ giáo viên trẻ, năng động, tiếp thu nhanh các công nghệ mới và

tích cực áp dụng vào giảng dạy.

- 100% giáo viên tuân thủ quy định bồi dưỡng trực tuyến, đảm bảo chuẩn nghề nghiệp.

- Phong trào thiết kế bài giảng điện tử E-learning, thiết bị dạy học số được duy trì đều đặn hàng năm.

### c. Điểm yếu

- Một vài giáo viên lớn tuổi còn gặp khó khăn trong việc sử dụng các phần mềm biên tập video hoặc thiết kế đồ họa nâng cao (như Photoshop, phần mềm dựng phim chuyên nghiệp).

### d. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Nhà trường động viên các giáo viên lớn tuổi tự học hỏi để nâng cao kỹ năng thiết kế đồ họa và xây dựng học liệu số đa phương tiện.

- Phân công các giáo viên trẻ, có năng lực về công nghệ số hỗ trợ, giúp đỡ các giáo viên cao tuổi trong việc ứng dụng số hóa trong dạy học.

- Thời gian thực hiện: Năm học 2026-2027

### e. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3 (20/20)

Chỉ số	Điểm
- Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu. Tối đa 7 điểm.	7
- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học. Tối đa 7 điểm.	7
- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử. Tối đa 6 điểm.	6
Tổng điểm: 20/20 - Đạt: Mức độ 3	

**Kết luận về Tiêu chí:** Nhà trường luôn ưu tiên nội dung học tập, bồi dưỡng về chuyển đổi số trong dạy học và quản trị. Phát huy vai trò của đội ngũ giáo viên cốt cán trong nhà trường trong việc kiểm tra, hướng dẫn và bồi dưỡng giáo viên tại chỗ nhằm phát triển năng lực tự học, tự bồi dưỡng của cán bộ quản lý, giáo viên về việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

## 7. Tiêu chí 1.7: Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học

### a. Mô tả hiện trạng

- Hiện tại, cả 2 khu của nhà trường có tổng số 21 phòng học. Trong đó, 21/21 phòng học đã được trang bị Tivi thông minh hoặc máy chiếu có kết nối mạng Internet cáp quang tốc độ cao và phủ sóng Wifi. Hệ thống thiết bị hoạt động ổn định, phục vụ tốt cho việc khai thác học liệu số của giáo viên và học sinh. [MC.01.07.01]

- Khu A và Khu B nhà trường mỗi khu có 01 phòng Tin học với tổng số 20 máy tính, đảm bảo cấu hình cài đặt được các phần mềm dạy học theo chương trình GDPT 2018. Tỷ lệ học sinh/máy tính trong giờ thực hành đạt 02 học sinh/01 máy. Các máy tính đều được kết nối mạng LAN và Internet. [MC.01.07.02]

- Nhà trường đã bố trí tại khu A 01 phòng studio (phòng ghi hình) diện tích 24m<sup>2</sup>. Trang thiết bị bao gồm: 01 máy quay phim (điện thoại thông minh), phông xanh (green screen), máy tính dựng phim. Phòng studio phục vụ cho việc giáo viên xây dựng bài giảng điện tử, video clip giáo dục. [MC.01.07.03]

#### **b. Điểm mạnh**

- Nhà trường có hệ thống mạng Internet được phủ sóng toàn trường.
- 100% phòng học văn hóa có đầy đủ thiết bị trình chiếu, giúp giáo viên dễ dàng ứng dụng CNTT trong mọi tiết dạy.
- Phòng máy tính có số lượng đảm bảo phục vụ việc học của học sinh (2 học sinh/1 máy).

#### **c. Điểm yếu**

- Một vài máy tính tại phòng Tin học đã trang bị từ lâu (trên 5 năm), cấu hình đôi khi còn chậm khi chạy các phần mềm đồ họa mới.
- Kỹ năng sử dụng thiết bị phòng studio của một số giáo viên cao tuổi còn hạn chế, chủ yếu phụ thuộc vào tổ hỗ trợ kỹ thuật.

#### **d. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Đầu tư kinh phí nâng cấp cấu hình một số máy tính tại phòng tin học.
- Bồi dưỡng kỹ năng sử dụng studio cho các giáo viên cao tuổi.
- Thời gian hoàn thành: Tháng 10 năm 2026

#### **e. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3 (16/20)**

Chỉ số	Điểm
- Phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học. Tối đa 8 điểm.	8

- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học. Tối đa 7 điểm.	5
- Có phòng studio. Tối đa 5 điểm.	3
Tổng điểm: 16/20 - Đạt: Mức độ 3	

**Kết luận về Tiêu chí:** Nhà trường luôn quan tâm đầu tư cơ sở vật chất hạ tầng phục vụ công tác chuyển đổi số. Các phòng học đã được trang bị Tivi thông minh hoặc máy chiếu có kết nối mạng Internet cáp quang tốc độ cao và phủ sóng Wifi. Phòng máy tính có số lượng đảm bảo phục vụ việc học của học sinh theo quy định tối thiểu. Hệ thống được phủ sóng toàn trường, thiết bị hoạt động ổn định, phục vụ tốt cho việc khai thác học liệu số của giáo viên và học sinh.

### **KẾT LUẬN VỀ NHÓM TIÊU CHÍ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG DẠY, HỌC**

Nhà trường đã ban hành được kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp trên cơ sở căn cứ điều kiện, thực trạng cụ thể của đơn vị theo hướng dẫn của Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT. Đồng thời xây dựng dự kiến cho các phương án kịch bản (thiên tai, dịch bệnh, lí do khách quan tác động) để chủ động ứng phó linh hoạt đảm bảo duy trì được việc dạy và học. Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong năm học đảm bảo thực đúng theo chỉ đạo hướng dẫn của ngành. Quy chế dạy học trực tuyến của nhà trường quy định chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến việc tổ chức dạy học trực tuyến, giúp cho việc dạy học trực tuyến thực hiện hiệu quả hơn. Quy chế đã được công khai và phổ biến kịp thời tới toàn bộ các đối tượng có liên quan tới việc dạy học trực tuyến. Nhà trường đã thực hiện triển khai phần mềm dạy học trực tuyến với 2 phần mềm là Zoom và OLM tới toàn thể đội ngũ giáo viên trong toàn trường đảm bảo các chức năng cho việc tổ chức dạy học trực tuyến. Việc số hóa các học liệu được quan tâm triển khai. 100% giáo viên có khả năng thiết kế bài giảng, thiết bị số. Kho học liệu số được cập nhật, bổ sung thường xuyên giúp giáo viên thuận tiện hơn trong việc tìm kiếm tư liệu dạy học. Đã ban hành kế hoạch, quy chế và tiến hành kiểm tra trên phòng máy đối với một số môn học. Nhà trường luôn ưu tiên nội dung học tập, bồi dưỡng về chuyển đổi số trong dạy học và quản trị. Phát huy vai trò của đội ngũ giáo viên cốt cán trong nhà trường trong việc kiểm tra, hướng dẫn và bồi dưỡng giáo viên tại chỗ nhằm phát triển năng lực tự học, tự bồi dưỡng của cán bộ quản lý, giáo viên về việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Nhà trường luôn quan tâm đầu tư cơ sở vật chất hạ tầng phục vụ công tác chuyển đổi số. Các phòng học đã được trang bị Tivi thông minh hoặc máy chiếu có kết nối mạng Internet cáp quang tốc độ cao và phủ sóng Wifi. Phòng

máy tính có số lượng đảm bảo phục vụ việc học của học sinh theo quy định tối thiểu.

Bên cạnh những điểm mạnh trên, nhà trường cũng còn gặp khó khăn ở việc triển khai kiểm tra tại phòng máy do vướng mắc ở cấu trúc đề theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT, kỹ năng sử dụng công nghệ của học sinh lớp 1,2,3 còn hạn chế. Nhu cầu và điều kiện đáp ứng việc học trực tuyến của học sinh chưa cao cũng ảnh hưởng đến việc triển khai.

**Tự đánh giá:** Đạt 86/100 điểm. Đạt mức độ 3

## **II. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục**

### **Mở đầu:**

Năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục triển khai nền tảng quản trị cơ sở giáo dục trong mọi hoạt động như triển khai các phân hệ: quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập), quản lý đội ngũ cán bộ, quản lý cơ sở vật chất, quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh, quản lý kế toán; đảm bảo kết nối thông suốt với cơ sở dữ liệu giáo dục của Sở Giáo dục và cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục của Bộ Giáo dục. Triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, ưu tiên triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử; triển khai ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với nhà trường trên nền tảng số, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và website của nhà trường.

### **Tiêu chí 2.1. Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, CDS**

#### **a. Mô tả hiện trạng**

Ngay từ đầu năm học 2025-2026, căn cứ nhiệm vụ được phân công, nhà trường đã ra Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số. Sau khi sáp nhập và thành lập trường mới, Hiệu trưởng nhà trường đã ra quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo, phân công nhiệm vụ phụ trách, triển khai theo từng tiêu chí. Ban chỉ đạo có đủ thành phần, rõ họ tên, chức vụ, email, điện thoại và phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, rõ trách nhiệm [MC.02.01]

#### **b. Điểm mạnh**

Ban chỉ đạo là những đồng chí có năng lực, kinh nghiệm về công tác chuyển đổi số, triển khai kịp thời và đầy đủ các văn bản về ứng dụng CNTT, CDS.

#### **c. Điểm yếu**

Không có

#### **d. Kế hoạch cải tiến**

Tiếp tục duy trì và phát huy những việc đã làm được.

#### **e. Tự đánh giá: Đạt**

**Kết luận về Tiêu chí:** Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo triển khai công tác ứng dụng CNTT, CĐS đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Quyết định được công khai trên cổng TTĐT của nhà trường theo quy định. Các thành viên có kinh nghiệm chuyên môn và năng lực tốt, giúp nhà trường đạt kết quả tốt trong công tác ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

### **2. Tiêu chí 2.2: Ban hành kế hoạch ứng dụng thông tin, chuyển đổi số**

#### **a. Mô tả hiện trạng**

- Nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 354/KH-THTQK ngày 10 tháng 10 năm 2025 (khu A), Kế hoạch số 203/KH-THMT ngày 8 tháng 9 năm 2025 (khu B), sau sáp nhập nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 87/KH-THTQK ngày 12/02/2026 về việc thực hiện nhiệm vụ Công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số cho năm học 2025 – 2026 đảm bảo tính kịp thời và định hướng cho toàn bộ hoạt động của trường. Kế hoạch đã được công bố trên cổng thông tin điện tử của đơn vị từ đầu năm học.

- Kế hoạch đề ra các mục tiêu cụ thể về: nâng cấp hạ tầng mạng, triển khai các phần mềm quản trị (quản lý học sinh, giáo viên, thư viện...), và tập huấn nâng cao năng lực số cho đội ngũ giáo viên, nhân viên.

- Nội dung kế hoạch thể hiện mục tiêu cải thiện các chỉ số trong Bộ chỉ số, phù hợp với quy định hiện hành, bám sát các văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng VHXH về nhiệm vụ CNTT năm học 2025-2026. Kế hoạch phân công rõ trách nhiệm cho Ban giám hiệu, các tổ chuyên môn và từng bộ phận liên quan. [MC.01.01] [MC.02.02]

#### **b. Điểm mạnh**

Trường có các kế hoạch ứng dụng CNTT, CĐS, nội dung kế hoạch đầy đủ phù hợp cho tổ chức triển khai thực hiện tại các tổ, nhóm chuyên môn.

#### **c. Điểm yếu**

Không

#### **d. Kế hoạch cải tiến**

#### **e. Tự đánh giá: Đạt**

**Kết luận về tiêu chí:** Ngay từ đầu năm học nhà trường đã xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT, CĐS một cách chi tiết, khoa học, phù hợp với thực tế nhà

trường. Kế hoạch được công khai trên cổng TTĐT và triển khai tới toàn bộ CB, GV, NV. Tuy nhiên sau khi sáp nhập (tháng 2/2026), nhà trường chưa xây dựng kế hoạch mới do đã sát thời gian nhà trường tự đánh giá. Vì vậy mỗi khu vẫn thực hiện theo kế hoạch cũ đã ban hành.

### **3. Tiêu chí 2.3: Triển khai phần mềm quản trị nhà trường**

#### **a. Mô tả hiện trạng**

- Nhà trường ra Quyết định số 359/QĐ-THTQK ngày 10 tháng 10 năm 2025 (khu A), Quyết định số 266/QĐ-THMT ngày 29 tháng 9 năm 2025 (khu B). Sau sáp nhập, nhà trường đã ra Quyết định số 81/QĐ-THTQK về việc ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường. Trong đó quy định sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu và triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập) đối với nhà trường (Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng), TCM, giáo viên. [MC.02.03.01]

- Nhà trường triển khai phần mềm quản lý nhà trường Vnedu có phân hệ quản lý học sinh, triển khai 100% Sổ điểm điện tử và Học bạ điện tử, thực hiện ký số theo đúng quy định, giảm thiểu hồ sơ giấy. [MC.02.03.02], [MC.02.03.03], y tế học đường cấp quyền cho nhân viên y tế có trách nhiệm cập nhật thông tin sức khỏe học sinh đầu năm khi có kết quả khám sức khỏe của học sinh. [MC.02.03.06].

- Phần mềm <https://qltsapp.vn> có phân hệ quản lý cơ sở vật chất được giao cho Kế toán trực tiếp quản trị, có nhiệm vụ cập nhật thông tin hàng năm về CSVC, tài sản của nhà trường hoặc khi có biến động về tài sản trong nhà trường [MC.02.03.05], và có triển khai phân hệ quản lý kế toán với phần mềm <https://emis.misa.vn> [MC.02.03.07].

- Hồ sơ chuyên môn của giáo viên (kế hoạch bài dạy, kế hoạch môn học,...) được quản lý và duyệt trên môi trường số [MC.02.03.09].

- Trường sử dụng hệ thống Cổng thông tin điện tử <https://thtranquangkhai.ninhbinh.edu.vn/>, hệ thống quản lý văn bản điện tử <https://qlvbdh.ninhbinh.gov.vn/qlvbdh/main?lang=vi> [MC.02.03.10], phần mềm thư viện điện tử <http://tvthmythanhnamdinh.nl.vn:90/lms/home/index.php> (khu B) và phần mềm VietBiblio (khu A) [MC.02.03.08].

- Trường sử dụng hệ thống <https://dongbo.cSDL.edu.vn/Request-data-by-school> đồng bộ dữ liệu trường học của Sở GDĐT triển khai bao gồm phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập) [MC.02.03.02]. Thực hiện triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV trên website <https://ccvcninhbinh.vnerp.vn/web/login> . [MC.02.03.04].

- Trường triển khai các phần mềm quản lý nhà trường <https://eaeusaozecs.gdnamdinh.vn/edu.vn/v3/> đảm bảo kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành của Sở GDĐT <https://dongbo.csdl.edu.vn/Request-data-by-school>, của Bộ GDĐT <https://truong.csdl.moet.gov.vn/Default.aspx> [MC.02.03.11]

### **b. Điểm mạnh**

Hệ thống phần mềm quản trị được triển khai đồng bộ ở hầu hết các hoạt động của nhà trường. Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường. Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập). Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, phân hệ quản lý kế toán. Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý).

### **c. Điểm yếu**

Một số cá nhân cập nhật thông tin trên phần mềm đôi khi còn chậm so với quy định. Việc cấp chữ ký số chưa tiến hành được cho toàn bộ GV-NV.

### **d. Kế hoạch cải tiến**

Năm học 2026 - 2027 hoàn thiện việc báo cáo Phòng VHXH và UBND phường hỗ trợ cấp chữ ký số cho GV, NV triển khai sử dụng trong lập hồ sơ chuyên môn.

### **e. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3 (68/70)**

<b>Chỉ số</b>	<b>Điểm</b>
- Ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường. Tối đa 6 điểm.	6
- Triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập). Tối đa 6 điểm	6
- Triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử. Tối đa 10 điểm.	10
- Triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV. Tối đa 6 điểm.	6
- Triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất. Tối đa 6 điểm.	5
- Triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh. Tối đa 5 điểm.	5
- Triển khai phân hệ quản lý kế toán. Tối đa 6 điểm.	5
- Triển khai phân hệ quản lý thư viện điện tử. Tối đa 5 điểm.	5

- Triển khai phân hệ quản lý hồ sơ chuyên môn giáo viên. Tối đa 5 điểm.	5
- Triển khai các phần mềm phục vụ quản lý điều hành khác: Công thông tin điện tử, quản lý văn bản điện tử... Tối đa 5 điểm.	5
- Triển khai các phần mềm quản trị nhà trường đảm bảo kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành của Sở GDĐT, của Bộ GDĐT. Tối đa 10 điểm.	10
Tổng điểm: 68/70 - Đạt: Mức độ 3	

**Kết luận về Tiêu chí:** Hệ thống phần mềm quản trị được triển khai đồng bộ ở hầu hết các lĩnh vực của nhà trường. Quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường quy định rõ trách nhiệm của từng thành viên. Các phần mềm quản trị đã giúp Ban giám hiệu nhà trường thuận tiện hơn trong công tác quản lý.

***Tiêu chí 2.4: Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến (Tối đa 30 điểm)***

**a. Mô tả hiện trạng**

- Nhà trường đã triển khai ứng dụng liên lạc điện tử VnEdu Connect đến 100% phụ huynh học sinh. Thông tin về kết quả học tập và rèn luyện của học sinh được cập nhật thường xuyên và gửi thông báo tức thời đến phụ huynh.

- Ngoài ra, trường còn sử dụng kênh thông tin hỗ trợ khác như Zalo để tạo nhóm phụ huynh, học sinh, tổ - nhóm công tác, chuyên môn từ đó tạo các tương tác, kết giữa gia đình và nhà trường, giáo viên với giáo viên, quản trị trường với giáo viên-nhân viên. [M02.04.01].

- Năm học 2025-2026, nhà trường chưa triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến có hỗ trợ một phần đối với các bước thực hiện đăng ký tuyển sinh trực tuyến [MC.02.04.02].

- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt đối với 100% học sinh. Báo cáo tổng hợp số lượng, tỉ lệ các khoản phí dịch vụ giáo dục không dùng tiền mặt [M02.04.03]

**b. Điểm mạnh**

- Kênh liên lạc điện tử giúp phụ huynh nắm bắt tình hình học tập của con em kịp thời, tạo sự đồng thuận cao trong công tác phối hợp giáo dục.

- Việc thanh toán không dùng tiền mặt giúp tiết kiệm thời gian cho bộ phận tài vụ, giảm rủi ro trong quản lý tiền mặt và thuận tiện cho phụ huynh.

**c. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có giải pháp chuẩn OTT hỗ trợ các liên lạc trực tuyến gia đình-nhà trường có tính bảo mật và phù hợp công tác hành chính, quản lý hồ sơ. Năm học 2025-2026, nhà trường chưa triển khai tuyển sinh trực tuyến.

#### **d. Kế hoạch cải tiến**

- CBQL thực hiện tư vấn và bồi dưỡng năng lực giáo viên, nhân viên thực hiện giải pháp chuẩn OTT hỗ trợ các liên lạc trực tuyến gia đình - nhà trường có tính bảo mật và phù hợp công tác hành chính, quản lý hồ sơ.

- Triển khai phần mềm tuyển sinh trực tuyến từ tháng 5/2026 qua hệ thống OLM.

#### **e. Tự đánh giá: Đạt mức độ 2 (22/30 điểm)**

<b>Chỉ số</b>	<b>Điểm số</b>
- Triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường. Tối đa 12 điểm	8
- Triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến. Tối đa 8 điểm.	4
- Triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt. Tối đa 10 điểm.	10
Tổng điểm: 22/30 - Đạt: Mức độ 3	

**Kết luận về Tiêu chí:** Việc triển khai các dịch vụ trực tuyến đã được nhà trường quan tâm như ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt. Tuy nhiên năm học 2025-2026, dịch vụ tuyển sinh đầu cấp theo hình thức trực tuyến chưa được triển khai. Nhà trường đã thực hiện kí hợp đồng với các nhà cung cấp để đảm bảo năm học 2026-2027 triển khai được 100% các dịch vụ trực tuyến theo yêu cầu.

### **KẾT LUẬN VỀ NHÓM TIÊU CHÍ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG QUẢN TRỊ CƠ SỞ GIÁO DỤC**

Nhà trường đã đạt kết quả tốt trong việc thực hiện chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục. Ban chỉ đạo công tác CNTT, CDS được thành lập ngay từ đầu năm học, được kiện toàn lại sau khi sáp nhập. Đó là những đồng chí có năng lực, kinh nghiệm về công tác chuyển đổi số, triển khai kịp thời và đầy đủ các văn bản về ứng dụng CNTT, CDS. Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT, CDS một cách chi tiết, khoa học, phù hợp với thực tế nhà trường. Kế hoạch được công khai trên cổng TTĐT và triển khai tới toàn bộ CB, GV, NV. Trong quá trình thực hiện, kế hoạch được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế. Hệ

thống phần mềm quản trị được triển khai đồng bộ ở hầu hết các lĩnh vực của nhà trường. Quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường quy định rõ trách nhiệm của từng thành viên. Các phần mềm quản trị đã giúp Ban giám hiệu nhà trường thuận tiện hơn trong công tác quản lí. Việc triển khai các dịch vụ trực tuyến đã được nhà trường quan tâm triển khai và được đông đảo CMHS ủng hộ. Tuy còn một vài hạn chế cần khắc phục nhưng nhà trường nhận thấy việc ứng dụng CNTT và CDS trong quản trị đã đem lại những kết quả khá tốt.

**Tự đánh giá:** Đạt 90/100 điểm. Đạt mức độ 3

### PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG

Năm học 2025-2026 trường Tiểu học Trần Quang Khải đã có nhiều thay đổi trong việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học và trong quản trị. Các phòng tin học, phòng Studio, phòng học chính và phòng học môn chuyên, các phòng hành chính ở cả khu A và khu B có khá đầy đủ phương tiện như máy tính, máy chiếu, đường truyền internet để thực hiện dạy học và quản trị thông qua các phần mềm tiện ích. Chính vì vậy chất lượng GD toàn diện của nhà trường được đảm bảo tạo niềm tin đối với Đảng, chính quyền địa phương, nhân dân cũng như CMHS.

Đối chiếu với Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên được ban hành kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng tự đánh giá trường Tiểu học Trần Quang Khải đã tiến hành tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của nhà trường, kết quả đạt được cụ thể như sau:

- Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt là 11/11 với tỉ lệ 100%

+ Số lượng tiêu chí không đạt là 0 với tỉ lệ 0%

- Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt là 11/11 với tỉ lệ 100%

+ Số lượng tiêu chí không đạt là 0 với tỉ lệ 0%

- Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt là 11/11 với tỉ lệ 100%

+ Số lượng tiêu chí không đạt là 0 với tỉ lệ 0%

**Đánh giá chung:** Đạt mức độ 3

Với kết quả tự đánh giá như trên, trường Tiểu học Trần Quang Khải trân trọng đề nghị Phòng Văn hóa- Xã hội, UBND phường Mỹ Lộc công nhận mức độ chuyển đổi số của nhà trường đạt mức đáp ứng tốt - Mức độ 3.

*Mỹ Lộc, ngày 20 tháng 3 năm 2026*

***Nơi nhận:***

- Phòng VHXH;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Thị Thúy Hòa**

**MẪU 03: BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ  
CỦA TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN QUANG KHẢI  
NĂM HỌC 2025 - 2026**

STT	Tiêu chí	Điểm tự đánh giá	Đường link minh chứng
<b>1</b>	<b>Chuyển đổi số trong dạy, học</b>	<b>86</b>	
1.1	<i>Ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp)</i>	Đạt	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1NJio1c4tv_P03WhFXn6WJaL9VVb0FHzV">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1NJio1c4tv_P03WhFXn6WJaL9VVb0FHzV</a>
1.2	<i>Ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến</i>	Đạt	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1karindpp6vBg5L6NWQXUSwFxfj-cHXXIL">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1karindpp6vBg5L6NWQXUSwFxfj-cHXXIL</a>
1.3	<b>Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến:</b>	<b>28</b>	
1.3.1	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS))	5	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1QyhK4kDYm2YRV-F_44ZINbs-otSHXkDG">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1QyhK4kDYm2YRV-F_44ZINbs-otSHXkDG</a>
1.3.2	(1) Có chức năng giáo viên giao bài cho học sinh tự học	6	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/15sOF11uJRwwTG14vXLRnvl7UKIsnstSL">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/15sOF11uJRwwTG14vXLRnvl7UKIsnstSL</a>
1.3.3	(2) Có chức năng giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh	6	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1OdNGMvAhu2DIK1O3L-T66NFKzTFn1L1F">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1OdNGMvAhu2DIK1O3L-T66NFKzTFn1L1F</a>
1.3.4	(3) Có chức năng tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên	5	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1gsCV0EvmHCdyI8NwY21JIPoz6whMBeUu">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1gsCV0EvmHCdyI8NwY21JIPoz6whMBeUu</a>
1.3.5	(4) Có chức năng phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh	6	<a href="https://olm.vn/notify/send#menu-lien-lac-dien-tu">https://olm.vn/notify/send#menu-lien-lac-dien-tu</a>

1.4	<b>Số hóa các học liệu</b>	<b>10</b>	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1JT2DVCO4ugR695_Is5qaR4LHIyT5fORM">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1JT2DVCO4ugR695_Is5qaR4LHIyT5fORM</a>
1.5	<b>Triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập</b>	<b>13</b>	
1.5.1	Tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính	8	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1Uhhcnw6danViAILLaG9ziBvM9MSsexIA">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1Uhhcnw6danViAILLaG9ziBvM9MSsexIA</a>
1.5.2	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường	5	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1np10HapBxjrP5TrfVNMHQkF09-tK57HD">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1np10HapBxjrP5TrfVNMHQkF09-tK57HD</a>
1.6	<b>Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số</b>	<b>20</b>	
1.6.1	Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	7	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1Gn218hYfAFHdQw6aL2KWb5-w23VwnLNj">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1Gn218hYfAFHdQw6aL2KWb5-w23VwnLNj</a>
1.6.2	Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học	7	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1Xh3m2HhQNo8KuzDUGX8-bN6evAelS4tM">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1Xh3m2HhQNo8KuzDUGX8-bN6evAelS4tM</a>
1.6.3	Tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử	6	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/13HGwFAfqto1onvcL7jTKhU1mv4BZnFge">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/13HGwFAfqto1onvcL7jTKhU1mv4BZnFge</a>
1.7	<b>Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học</b>	<b>16</b>	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1GSXy0hJ8Vz7TpejiNNermClvyJJdrn-">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1GSXy0hJ8Vz7TpejiNNermClvyJJdrn-</a>
1.7.1	Phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	8	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1EJC6sahXFNPSHJoJO3zmATs64ZXUjrJd">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1EJC6sahXFNPSHJoJO3zmATs64ZXUjrJd</a>
1.7.2	Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học	5	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1aEw--3Fi5hg0Gxu5reM5Ei7n53FQSSd5">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1aEw--3Fi5hg0Gxu5reM5Ei7n53FQSSd5</a>
1.7.3	Có phòng studio	3	<a href="https://drive.google.com/drive/folders/112j2Ra9PrSkYTcec8xfy98wCCfUMLmX_?usp=drive_link">https://drive.google.com/drive/folders/112j2Ra9PrSkYTcec8xfy98wCCfUMLmX_?usp=drive_link</a>
2	<b>Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</b>	<b>90</b>	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/11QaSX2s0RVrPEODsk_XNtOWtgzBe9Ba4">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/11QaSX2s0RVrPEODsk_XNtOWtgzBe9Ba4</a>

2.1	<b>Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số</b>	Đạt	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1C7EMGv751Yc_fp4IV2YmGQq6vIW_iOcV">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1C7EMGv751Yc_fp4IV2YmGQq6vIW_iOcV</a>
2.2	<b>Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số</b>	Đạt	
2.3	<b>Triển khai phần mềm quản trị nhà trường</b>	68	
2.3.1	Ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường	6	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1oUESdYrrHc26bOCEZ5KirD2uMej736W7">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1oUESdYrrHc26bOCEZ5KirD2uMej736W7</a>
2.3.2	Triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)	6	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1rqdAb7EXTpDfVn2Mn_RY_LpmdiPmaHDF">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1rqdAb7EXTpDfVn2Mn_RY_LpmdiPmaHDF</a>
2.3.3	Triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử	10	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/114wCFH07aHZ9BNQJ7OS4y1ajLoRtUo2C">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/114wCFH07aHZ9BNQJ7OS4y1ajLoRtUo2C</a>
2.3.4	Triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV	6	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1m-njW4Dq6ho0-VigYSyTPiOuyEaOLUDf">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1m-njW4Dq6ho0-VigYSyTPiOuyEaOLUDf</a>
2.3.5	Triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất	5	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1G7BA6mpgDtouIdaSnyXqM_fXdcrUvofR">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1G7BA6mpgDtouIdaSnyXqM_fXdcrUvofR</a>
2.3.6	Triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh	5	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1QBR2H4wuhIabFuLaFuSdJBnwhb-r5jI3">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1QBR2H4wuhIabFuLaFuSdJBnwhb-r5jI3</a>
2.3.7	Triển khai phân hệ quản lý kế toán	5	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1bBsaO8PPXEzNEQxCRK_tuY5zmZjQw7q">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1bBsaO8PPXEzNEQxCRK_tuY5zmZjQw7q</a>
2.3.8	Triển khai phân hệ quản lý thư viện điện tử	5	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/16-BJCRPUrp2471VFUqXI9dsEfQo9wD36">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/16-BJCRPUrp2471VFUqXI9dsEfQo9wD36</a>
2.3.9	Triển khai phân hệ quản lý hồ sơ chuyên môn giáo viên	5	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1IzksXZhjB4eGiCFAIppvuy-J_KsLsHj2">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1IzksXZhjB4eGiCFAIppvuy-J_KsLsHj2</a>
2.3.10	Triển khai các phần mềm phục vụ quản lý điều hành khác: Cổng thông tin điện tử, quản lý văn bản điện tử...	5	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1FNE9yZjyUz4Td3fhU35cuLhNr9aYNjm0">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1FNE9yZjyUz4Td3fhU35cuLhNr9aYNjm0</a>

2.3.1 1	Triển khai các phần mềm quản trị nhà trường đảm bảo kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành của Sở GDĐT, của Bộ GDĐT	10	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1gbyCC5px-TLdGknyXiVzTbGV_iE-x1eF">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1gbyCC5px-TLdGknyXiVzTbGV_iE-x1eF</a>
2.4	<b><i>Triển khai dịch vụ trực tuyến</i></b>	22	
2.4.1	Triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường	8	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1p9NHfcHKrDTQSciVo3yTUkv3bLwkgF_w">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1p9NHfcHKrDTQSciVo3yTUkv3bLwkgF_w</a>
2.4.2	Triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến	4	<a href="https://olm.vn/truong-hoc/truong-tieu-hoc-tran-quang-khai.41224177/tsdc-news">https://olm.vn/truong-hoc/truong-tieu-hoc-tran-quang-khai.41224177/tsdc-news</a>
2.4.3	Triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	10	<a href="https://drive.google.com/drive/u/0/folders/11NcDFV_jBGRxmNV7-l5bm6RnSP-zDVC4">https://drive.google.com/drive/u/0/folders/11NcDFV_jBGRxmNV7-l5bm6RnSP-zDVC4</a>
	Mức độ chuyển đổi số trong dạy, học: Mức độ 3		
	Mức độ chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục: Mức độ 3		
	Mức độ chuyển đổi số của đơn vị: Mức độ 3		

**Người tổng hợp**

**Trần Thị Na**

**HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Thị Thúy Hòa**